THE PAN GROUP

Số/No.: 029.22/PAN-CV

Hà Nội, ngày ..31. tháng 03 năm 2022
Hanoi, ..31.. March 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM	DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISION'S PORTAL AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: PAN
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam
- Người công bố thông tin/ *Submitted by:* Ông/*Mr.* Nguyễn Anh Tuấn

Loại thông tin công bố : ☑ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu
Information disclosure type: ☑ *Periodic* ☐ *Irregular* ☐ *24 hours* ☐ *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*):

Công ty cổ phần Tập đoàn PAN công bố Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021.

The PAN Group Joint Stock Company discloses 2021 Consolidated Financial Statement and Separate Financial Statement.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày ..31../03/2022 tại đường dẫn: http://www.thepangroup.vn, chuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư/Công bố thông tin.

This information was disclosed on Company/Fund's Potral on date .31../03/2022. Available at: http://www.thepangroup.vn, tab Investor Relation/Information Disclosure.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation./.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN
Người được ủy quyền CBTT

M.S.D.N: 0301473504 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN
LONG AN

Nguyễn Anh Tuấn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 21, được cấp ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QD-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên	
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên	
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2022
Ông Manabu Ueda	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 1 năm 2022

TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Viết Muôn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Trà My.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy Ủy quyền số A01-05/2018/UQ-PAN ngày 10 tháng 5 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61063721/22634103

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Phú Sơn	Nguyễn Hoàng Linh
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1	Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3835-2021-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.707.223.740.404**	**2.247.582.037.455**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***526.670.756.792***	***1.110.055.445.013***
111	1. Tiền		1.670.758.599	146.122.856.799
112	2. Các khoản tương đương tiền		524.999.998.193	963.932.588.214
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***2.895.370.776.438***	***150.795.000.000***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	2.895.370.776.438	150.795.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***284.143.515.428***	***984.428.823.644***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	17.884.114.271	23.547.445.824
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	402.518.644	767.879.419
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	256.354.718.000	921.194.718.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	27.386.278.784	62.466.226.225
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(17.884.114.271)	(23.547.445.824)
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***1.038.691.746***	***2.302.768.798***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		715.938.179	542.695.307
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		293.633.992	293.633.992
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	29.119.575	1.466.439.499
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.572.005.890.515**	**2.748.401.763.380**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***89.200.000***	***89.200.000***
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	89.200.000	89.200.000
220	***II. Tài sản cố định***		***11.372.057.177***	***12.945.783.138***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	11.372.057.177	12.945.783.138
222	Nguyên giá		26.359.896.097	26.359.896.097
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.987.838.920)	(13.414.112.959)
250	***III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***	***11***	***3.560.020.236.664***	***2.734.164.200.072***
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.586.545.181.572	2.734.164.200.072
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	11	(26.524.944.908)	-
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***524.396.674***	***1.202.580.170***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		524.396.674	1.202.580.170
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**7.279.229.630.919**	**4.995.983.800.835**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**4.322.460.694.299**	**1.964.818.059.783**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***3.199.817.822.053***	***847.816.959.151***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.093.998.141	886.887.290
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	6.645.395.922	342.554.500
314	4. Phải trả người lao động		10.263.687	8.163.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	27.216.564.022	25.284.547.556
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	5.454.091.891	4.158.230.138
320	7. Vay ngắn hạn	16	3.142.940.000.000	810.000.000.000
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		9.769.755.760	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.479.443.731	6.928.267.081
330	***II. Nợ dài hạn***	***16***	***1.122.642.872.246***	***1.117.001.100.632***
338	1. Vay dài hạn		1.122.642.872.246	1.117.001.100.632
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.956.768.936.620**	**3.031.165.741.052**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***17***	***2.956.768.936.620***	***3.031.165.741.052***
411	1. Vốn cổ phần		2.163.585.800.000	2.163.585.800.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.163.585.800.000*	*2.163.585.800.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		904.770.143.351	904.770.143.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(167.828.836.328)	(167.828.836.328)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.728.031.329	119.124.835.761
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*10.447.460.761*	*7.611.547.012*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*34.280.570.568*	*111.513.288.749*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**7.279.229.630.919**	**4.995.983.800.835**

Trần Thị Trang	Văn Thị Ngọc Ánh	Nguyễn Thị Trà My
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
21	**1. Doanh thu hoạt động tài chính**	**18**	**277.948.924.508**	**309.493.325.882**
22	**2. Chi phí tài chính**	**19**	**(197.508.341.770)**	**(152.057.257.002)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(163.785.982.572)*	*(151.094.526.849)*
26	**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**20**	**(37.771.338.289)**	**(35.810.403.207)**
30	**4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**42.669.244.449**	**121.625.665.673**
31	**5. Thu nhập khác**		**1.170.208**	**2.818.900**
32	**6. Chi phí khác**		**-**	**(2.020)**
40	**7. Lợi nhuận khác**		**1.170.208**	**2.816.880**
50	**8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**42.670.414.657**	**121.628.482.553**
51	**9. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**21.1**	**(8.389.844.089)**	**(2.334.335.651)**
52	**10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**		**-**	**(7.780.858.153)**
60	**11. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**34.280.570.568**	**111.513.288.749**

Trần Thị Trang	Văn Thị Ngọc Ánh	Nguyễn Thị Trà My
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**42.670.414.657**	**121.628.482.553**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao	10	1.573.725.961	1.576.650.446
03	Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		30.631.369.115	(764.298.068)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(277.948.924.508)	(309.493.325.882)
06	Chi phí lãi vay	19	163.785.982.572	151.094.526.849
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(39.287.432.203)**	**(35.957.964.102)**
09	Giảm các khoản phải thu		7.123.587.598	1.562.444.557
11	Giảm các khoản phải trả		(1.952.297.262)	(1.319.773.333)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		504.940.624	(15.401.161.066)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(2.744.575.776.438)	(150.795.000.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(141.142.547.944)	(130.957.736.682)
15	Thuế TNDN đã nộp		(969.185.849)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.678.823.350)	(2.345.933.543)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(2.922.977.534.824)**	**(335.215.124.169)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(141.389.500)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(58.800.000.000)	(510.354.718.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		723.640.000.000	163.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(999.260.981.500)	(107.787.218.390)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		270.000.000.000	738.764.736.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		190.251.296.603	156.292.162.598
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**125.830.315.103**	**439.773.572.708**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(167.138.836.328)
33	Tiền thu từ đi vay		6.808.185.000.000	3.120.000.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		(4.490.000.000.000)	(2.940.000.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(104.422.468.500)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**2.213.762.531.500**	**12.861.163.672**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(583.384.688.221)**	**117.419.612.211**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**1.110.055.445.013**	**992.635.832.802**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**526.670.756.792**	**1.110.055.445.013**

Trần Thị Trang	Văn Thị Ngọc Ánh	Nguyễn Thị Trà My
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư (SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính từ 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đến Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam theo GCNĐKKD số 0301472704 đăng ký thay đổi lần thứ 15 do SKHĐT tỉnh Long An cấp ngày 20 tháng 12 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 21, được cấp ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QD-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 18 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 16).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 8 công ty con sở hữu trực tiếp và 20 công ty con sở hữu gián tiếp được trình bày như sau:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ lợi ích (%)*	*Địa chỉ*	*Ngành nghề kinh doanh*
	Các công ty con sở hữu trực tiếp				
1	Công ty Cổ phần Pan Farm ("Công ty PAN Farm")	81,91	81,91	Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp
2	Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN ("Công ty PAN Food")	99,99	99,99	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư
3	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty FMC")	50,12	47,44	Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
4	Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN ("Công ty PAN CG")	99,99	99,99	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
	Các công ty con sở hữu trực tiếp (tiếp theo)				
5	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre ("Công ty ABT")	78,33	78,33	Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
6	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An ("Công ty LAF")	80,52	80,52	Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	Gia công, sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng nông sản; và dịch vụ cho thuê kho bãi
7	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang ("Công ty 584NT")	73,45	73,45	584 Đường Lê Hồng Phong, Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Việt Nam	Kiểm nghiệm chất lượng chế biến bảo quản thủy sản, và các sản phẩm từ thủy sản
8	Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans ("Công ty Golden Beans")	79,59	79,59	497/23 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm, nông lâm sản, và trồng cây cà phê
	Các công ty con sở hữu gián tiếp Công ty PAN Farm				
1	Công ty Cổ phần PAN-HULIC ("Công ty PHJSC")	50,97	41,76	Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rau, hoa quả và các sản phẩm nông nghiệp khác
2	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Giống Cây Trồng Việt Nam ("Công ty Vinaseed")	80,04	65,57	Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam	Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp; sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại nông sản và vật tư nông nghiệp
3	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam ("Công ty VFG")	50,38	41,26	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng và các dịch vụ liên quan
	Các công ty con sở hữu gián tiếp Công ty PAN Food				
1	Công ty Cổ phần Bibica ("Công ty BBC")	50,07	50,06	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty) và kinh doanh bất động sản

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
	Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty Vinaseed				
1	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây ("Công ty HSC")	53,80	35,28	Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam ("Công ty SSC")	96,41	63,22	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02	59,03	Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ trồng trọt, bán buôn nông, lâm sản, nguyên vật liệu và động vật sống, chế biến nông lâm sản, mua bán vật tư nông nghiệp
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam	83,74	52,93	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94,00	61,63	Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các loại dưa và rau quả
6	Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam	100	64,86	Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến hạt giống và chế biến nông sản
	Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty BBC				
1	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông	100	50,06	Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
2	Công ty TNHH Bibica Miền Bắc	100	50,06	Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
3	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội	100	50,06	Quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
4	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa	100	50,06	Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
5	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	100	50,06	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh đường, bánh kẹo, chiết xuất bã, rượu, bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm sữa và nước giải khát
6	Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN ("Công ty PAN FM")	100	50,06	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam	Thực hiện các hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ lợi ích (%)*	*Địa chỉ*	*Ngành nghề kinh doanh*
1	***Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty FMC***				
	Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An ("Công ty KAC")	80,11	53,02	Huyện An Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
	Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty ABT				
1	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre ("Công ty ABT High-Tech")	100	78,32	Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Nuôi trồng thuỷ sản nội địa; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp; và hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác.
	Các công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty 584NT				
1	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	99,80	73,29	Xã Cà Ná, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
	Công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty VFG				
1	Công ty TNHH MTV V.F.C Cambo	100	41,26	Campuchia	Mua bán thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 11*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 - Hướng dẫn về việc công bốf thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đề ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

3.5 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 *Các khoản dự phòng*

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.10 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Thu nhập tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng các khoản đầu tư và chứng khoán kinh doanh

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng các khoản đầu tư và chứng khoán kinh doanh được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn cổ phần. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	327.178.500	113.368.000
Tiền gửi ngân hàng	1.343.580.099	146.009.488.799
Các khoản tương đương tiền *(*)*	524.999.998.193	963.932.588.214
TỔNG CỘNG	**526.670.756.792**	**1.110.055.445.013**

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, hưởng lãi suất từ 0,20%/năm đến 5,08%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4,90%/năm đến 5,00%/năm).

Như được trình bày ở Thuyết minh số 16.1, một số chứng chỉ tiền gửi được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty.

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Chứng chỉ tiền gửi (**)	2.802.579.244.438	-	(*)	-	-	(*)
Trái phiếu (***)	92.791.532.000	-	(*)	150.795.000.000	-	(*)
TỔNG CỘNG	**2.895.370.776.438**	-		**150.795.000.000**	-	

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên do các khoản đầu tư này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm.

(**) Các khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới một năm tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,98%/năm đến 5,08%/năm. Như được trình bày ở Thuyết minh số 16.1, các chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trên được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty.

(***) Số dư trái phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoản đầu tư vào trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời có kỳ hạn gốc 2 năm, đáo hạn ngày 15 tháng 6 năm 2023, với số lượng 113 trái phiếu, mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu và hưởng lãi suất 8%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	17.884.114.271	23.547.445.824
TỔNG CỘNG	**17.884.114.271**	**23.547.445.824**
Dự phòng giảm giá phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(17.884.114.271)	(23.547.445.824)
GIÁ TRỊ THUẦN	**-**	**-**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	23.547.445.824	24.311.743.892
Hoàn nhập dự phòng	(5.663.331.553)	(764.298.068)
Số cuối năm	17.884.114.271	23.547.445.824

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Trả trước cho các bên khác	402.518.644	767.879.419
TỔNG CỘNG	**402.518.644**	**767.879.419**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	153.000.000.000	817.840.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác *(*)*	103.354.718.000	103.354.718.000
TỔNG CỘNG	**256.354.718.000**	**921.194.718.000**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản cho các bên khác vay như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên vay	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn*	*Lãi suất (%/năm)*	*Tài sản đảm bảo*
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Feta	51.677.359.000	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	5,5	Chứng khoán trên danh mục đầu tư của Bên vay
Công ty Cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời	51.677.359.000	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	5,5	Chứng khoán trên danh mục đầu tư của Bên vay
TỔNG CỘNG	**103.354.718.000**			

9. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Lãi dự thu từ cho vay	13.489.254.852	58.852.094.701
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi	12.629.509.645	2.689.041.891
Ký quỹ	590.504.666	590.504.666
Tạm ứng nhân viên	281.014.621	334.584.967
Khác	395.995.000	-
	27.386.278.784	**62.466.226.225**
Dài hạn		
Ký quỹ	89.200.000	89.200.000
TỔNG CỘNG	**27.475.478.784**	**62.555.426.225**
Trong đó:		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	*8.178.791.370*	*59.075.671.313*
Phải thu từ các bên khác	*19.296.687.414*	*3.479.754.912*

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	13.778.633.885	11.514.060.062	874.811.650	192.390.500	26.359.896.097
Mua mới	-	-	-	-	-
Số cuối năm	13.778.633.885	11.514.060.062	874.811.650	192.390.500	26.359.896.097
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*4.511.889.599*	*644.151.180*	*408.582.150*	-	*5.564.622.929*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(8.819.802.244)	(3.970.912.365)	(590.219.778)	(33.178.572)	(13.414.112.959)
Khấu hao trong năm	(371.912.376)	(1.079.494.368)	(83.841.121)	(38.478.096)	(1.573.725.961)
Số cuối năm	(9.191.714.620)	(5.050.406.733)	(674.060.899)	(71.656.668)	(14.987.838.920)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	4.958.831.641	7.543.147.697	284.591.872	159.211.928	12.945.783.138
Số cuối năm	4.586.919.265	6.463.653.329	200.750.751	120.733.832	11.372.057.177

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá trị đầu tư	*Dự phòng*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp*
	VND	*VND*	*%*	*VND*	*VND*	*%*
Công ty PAN Food	999.900.000.000	-	99,99	999.900.000.000	-	99,99
Công ty PAN Farm	999.900.000.000	-	81,91	999.900.000.000	-	81,91
Công ty FMC *(i)*	671.414.451.072	-	37,75	474.184.200.072	-	35,80
Công ty ABT *(ii)*	238.253.620.500	-	78,33	-	-	-
Công ty PAN CG	199.980.000.000	-	99,99	199.980.000.000	-	99,99
Công ty LAF *(iii)*	166.227.626.000	-	80,52	-	-	-
Công ty 584NT *(iv)*	150.669.484.000	-	73,45	-	-	-
Công ty KAC *(v)*	100.000.000.000	-	28,60	-	-	-
Công ty Golden Beans	60.200.000.000	(26.524.944.908)	79,59	60.200.000.000	-	79,59
TỔNG CỘNG	**3.586.545.181.572**	**(26.524.944.908)**		**2.734.164.200.072**	**-**	

(i) Trong tháng 3 năm 2021, Công ty đã thực hiện mua thành công 6.565.288 cổ phiếu của Công ty FMC với tổng giá phí 164.132.200.000 VND, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu trực tiếp lên 40,99% cổ phần của công ty FMC. Trong tháng 5 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 10,13% cổ phần tại Công ty FMC từ Công ty PAN Food với tổng giá phí là 179.978.051.000 VND. Sau đó, trong tháng 10 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 9,17% cổ phần tại Công ty FMC, qua đó giảm tỷ lệ sở hữu trực tiếp tại Công ty FMC xuống còn 41,95%. Trong tháng 12 năm 2021, công ty FMC thực hiện phát hành thêm cổ phiếu cho một cổ đông khác, qua đó tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty tại công ty FMC giảm xuống còn 37,75%. Sau các giao dịch này, Công ty vẫn gián tiếp nắm quyền chi phối tại Công ty FMC thông qua công ty ABT với tỷ lệ biểu quyết là 50,12% như được trình bày tại thuyết minh số 1.

(ii) Trong tháng 5 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 78,33% cổ phần tại Công ty ABT từ Công ty PAN Foods với tổng giá phí là 238.253.620.500 VND. Theo đó, Công ty ABT trở thành công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty.

(iii) Trong tháng 5 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 80,52% cổ phần tại Công ty LAF từ Công ty PAN Foods với tổng giá phí là 166.227.626.000 VND. Theo đó, Công ty LAF trở thành công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty.

(iv) Trong tháng 11 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 73,45% cổ phần tại Công ty 584NT từ Công ty PAN Foods với tổng giá phí là 150.669.484.000 VND. Theo đó, Công ty 584NT trở thành công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty.

(v) Trong tháng 3 năm 2021, Công ty đã thực hiện góp vốn 100 tỷ VND vào Công ty KAC tương đương với 28,6% cổ phần tại công ty này. Công ty gián tiếp nắm quyền chi phối tại Công ty KAC thông qua công ty FMC với tỷ lệ biểu quyết là 80,11% như được trình bày tại Thuyết minh số 1.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho người bán	886.098.141	886.098.141	620.171.190	620.171.190
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	207.900.000	207.900.000	266.716.100	266.716.100
TỔNG CỘNG	**1.093.998.141**	**1.093.998.141**	**886.887.290**	**886.887.290**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số đã nộp trong năm*	*Số đã cấn trừ trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.437.319.924	969.185.849	(2.406.505.773)	-
Khác	29.119.575	5.000.000	(5.000.000)	29.119.575
TỔNG CỘNG	**1.466.439.499**	**974.185.849**	**(2.411.505.773)**	**29.119.575**

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp/cấn trừ trong năm*	*Số cuối năm*
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.389.844.089	(2.406.505.773)	5.983.338.316
Thuế thu nhập cá nhân	342.554.500	4.710.143.112	(4.394.180.006)	658.517.606
Thuế giá trị gia tăng	-	3.540.000	-	3.540.000
TỔNG CỘNG	**342.554.500**	**13.103.527.201**	**(6.800.685.779)**	**6.645.395.922**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lãi trái phiếu	23.682.630.138	23.682.630.138
Lãi vay	1.292.054.794	233.013.699
Khác	2.241.879.090	1.368.903.719
TỔNG CỘNG	**27.216.564.022**	**25.284.547.556**

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	92.780.076	92.780.076
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	1.637.621.919	450.000.000
Khác	3.723.689.896	3.615.450.062
TỔNG CỘNG	**5.454.091.891**	**4.158.230.138**

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm	*Số phát sinh trơ*	
	Giá trị (Đồng thời là số có khả năng trả nợ)	*Tăng*	
Ngắn hạn	**810.000.000.000**	**6.879.475.684.932**	**(**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 16.1)*	810.000.000.000	6.480.000.000.000	(
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 22)*	-	359.475.684.932	
Vay đối tượng khác		40.000.000.000	
Dài hạn	**1.117.001.100.632**	**(14.755.000.000)**	
Trái phiếu phát hành *(Thuyết minh số 16.2)*	1.135.000.000.000	-	
Chi phí phát hành *(Thuyết minh số 16.2)*	(17.998.899.368)	(14.755.000.000)	
TỔNG CỘNG	**1.927.001.100.632**	**6.864.720.684.932**	**(**

16.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty sử dụng khoản vay này để đầu tư trái phiếu chính phủ, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá tại các tổ chức nghiệp). Chi tiết như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất (%/năm)*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch	900.000.000.000	Ngày 14 tháng 4 năm 2022	4,0
	810.000.000.000	Ngày 4 tháng 5 năm 2022	4,0
	810.000.000.000	Ngày 3 tháng 6 năm 2022	4,0
	360.000.000.000	Ngày 15 tháng 3 năm 2022	4,0
	90.000.000.000	Ngày 15 tháng 3 năm 2022	4,0
TỔNG CỘNG	**2.970.000.000.000**		

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.2 Trái phiếu phát hành

Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01-09/2018/NQ-HDQT của Hội đồng quản trị vào ngày 3 tháng 9 năm 2018 về việc phát hành trái phiếu với số lượng phát hành là 1.135 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,8%/năm, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 9 năm 2023. Đại lý phát hành và bảo lãnh là Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), là một quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

	Số cuối năm			
	Giá trị	*Lãi suất*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Hình thức đảm bảo*
	(VND)	*(%/năm)*		
Trái chủ				
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	845.000.000.000	6,8	Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm.	8.778.365 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	170.000.000.000	6,8	Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm.	8.778.365 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Hanwha Life Việt Nam	75.000.000.000	6,8	Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm.	8.778.365 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	45.000.000.000	6,8	Ngày 10 tháng 9 năm 2023. Lãi trả hàng năm.	8.778.365 cổ phần của công ty thành viên
TỔNG CỘNG	**1.135.000.000.000**			
Chi phí phát hành	(12.357.127.754)			
Giá trị thuần	**1.122.642.872.246**			

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Cổ phiếu quỹ*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước						
Số đầu năm	1.731.011.410.000	1.337.369.533.351	(690.000.000)	11.513.798.268	9.849.163.999	3.089.053.905.618
Tăng vốn trong năm	432.574.390.000	(432.574.390.000)	-	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(167.138.836.328)	-	-	(167.138.836.328)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	111.513.288.749	111.513.288.749
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(237.616.987)	(237.616.987)
Khác	-	(25.000.000)	-	-	-	(25.000.000)
Số cuối năm	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	119.124.835.761	3.031.165.741.052
Năm nay						
Số đầu năm	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	119.124.835.761	3.031.165.741.052
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	34.280.570.568	34.280.570.568
Trích thù lao HĐQT, BKS (*)	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(2.230.000.000)	(2.230.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(104.447.375.000)	(104.447.375.000)
Số cuối năm	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	44.728.031.329	2.956.768.936.620

(*) Việc chia cổ tức, trích thù lao HĐQT, BKS và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-04/2021/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 23 tháng 4 năm 2021.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 *Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	2.163.585.800.000	1.731.011.410.000
Tăng trong năm	-	432.574.390.000
Số cuối năm	**2.163.585.800.000**	**2.163.585.800.000**
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố		
Cổ tức bằng tiền cho năm 2020: 500 VND/cổ phiếu	*104.447.375.000*	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	**104.422.468.500**	-

17.3 *Cổ phiếu*

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
	Số cổ phần	*Số cổ phần*
Cổ phiếu đã được duyệt	**216.358.580**	**216.358.580**
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	216.358.580	216.358.580
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông	(7.463.830)	(7.463.830)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	208.894.750	208.894.750

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	123.120.000.000	146.862.109.941
Thu nhập từ chứng chỉ tiền gửi	58.693.092.000	23.328.212.917
Thu nhập từ cổ tức	35.113.460.000	50.654.382.500
Lãi cho vay	31.047.266.239	32.133.913.880
Lãi tiền gửi	29.975.106.269	56.514.706.644
TỔNG CỘNG	**277.948.924.508**	**309.493.325.882**

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	163.785.982.572	151.094.526.849
Trích lập dự phòng đầu tư dài hạn	26.524.944.908	-
Chi phí khác	7.197.414.290	962.730.153
TỔNG CỘNG	**197.508.341.770**	**152.057.257.002**

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.813.751.941	23.704.484.071
Chi phí nhân viên	16.484.586.211	10.293.684.752
Chi phí khấu hao *(Thuyết minh số 10)*	1.573.725.961	1.576.650.446
Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng	4.106.424.207	(764.298.068)
Khác	792.849.969	999.882.006
TỔNG CỘNG	**37.771.338.289**	**35.810.403.207**

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.708.448.493	4.740.823.099
Điều chỉnh TNDN các năm trước	681.395.596	(2.406.487.448)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	7.780.858.153
TỔNG CỘNG	**8.389.844.089**	**10.115.193.804**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**42.670.414.657**	**121.628.482.553**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	8.534.082.931	24.325.696.511
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	3.536.407.632	1.350.385.732
Chi phí không được khấu trừ	2.660.649.930	250.268.122
Điều chỉnh TNDN các năm trước	681.395.596	-
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Thu nhập từ cổ tức	(7.022.692.000)	(10.130.876.500)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 68/2020/NĐ-CP	-	(2.406.487.448)
Thuế TNDN được giảm	-	(2.031.781.328)
Thuế hoãn lại phải trả chưa được ghi nhận do lỗ thuế	-	(1.242.011.285)
Chi phí thuế TNDN	**8.389.844.089**	**10.115.193.804**

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty PAN Farm	Công ty con	Cho vay	40.000.000.000	307.000.000.000
		Lãi cho vay	11.596.561.644	462.602.740
		Thu hồi gốc cho vay	194.000.000.000	-
		Thu lãi cho vay	4.347.863.014	-
		Chuyển nhượng cổ phiếu	-	738.764.736.000
Công ty PAN Food	Công ty con	Cho vay	3.800.000.000	70.000.000.000
		Lãi cho vay	12.955.467.733	31.543.416.438
		Thu hồi gốc cho vay	514.640.000.000	-
		Chuyển nhượng cổ phiếu	734.313.373.500	-
		Đi vay	247.940.000.000	-
		Lãi vay	1.123.923.288	-
		Trả gốc vay	100.000.000.000	-
Công ty PAN CG	Công ty con	Đi vay	41.000.000.000	
		Trả gốc vay	16.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông	Thu nhập từ CCTG	58.541.781.000	23.328.212.917
		Phí dịch vụ	7.125.956.303	1.344.649.898
		Lãi tiền gửi	2.581.341.122	6.406.764.863
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con	Đi vay	20.000.000.000	-
		Trả gốc vay	20.000.000.000	-
Công ty Golden Beans	Công ty con	Đi vay	11.000.000.000	-
		Trả gốc vay	11.000.000.000	-
Công ty KAC	Công ty con	Góp vốn	100.000.000.000	-
Công ty FMC	Công ty con	Cổ tức	35.113.460.000	17.556.730.000
		Góp vốn	164.132.200.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty vay, cho vay, bán hàng cũng như mua hàng, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2020: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu về cho vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 8)*				
Công ty PAN Farm	Công ty con	Cho vay	153.000.000.000	307.000.000.000
Công ty PAN Food	Công ty con	Cho vay	-	510.840.000.000
TỔNG CỘNG			**153.000.000.000**	**817.840.000.000**

Chi tiết khoản cho vay như sau:

Hợp đồng	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty Cổ phần PAN Farm	153.000.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	5,5	Tín chấp

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu khác *(Thuyết minh số 9)*				
Công ty PAN Farm	Công ty con	Lãi dự thu	7.711.301.370	462.602.740
Công ty ABT	Công ty con	Chi hộ	189.000.000	-
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	143.377.500	-
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	79.200.000
Công ty PAN FM	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	51.187.500	-
Công ty PAN CG	Công ty con	Chi hộ	4.725.000	-
Công ty PAN Food	Công ty con	Lãi dự thu	-	58.280.473.971
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông	Lãi dự thu	-	253.394.602
TỔNG CỘNG			**8.178.791.370**	**59.075.671.313**

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 12)*				
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Cùng chủ tịch HĐQT	Phí dịch vụ	207.900.000	207.900.000
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông	Mua hàng hóa	-	58.816.100
			207.900.000	**266.716.100**
Phải trả ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 15)*				
Công ty PAN CG	Công ty con	Phải trả khác	797.945.206	-
Công ty PAN Food	Công ty con	Phải trả khác	389.676.713	-
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao	450.000.000	450.000.000
			1.637.621.919	**450.000.000**
Vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 16)*				
Công ty PAN Food	Công ty con	Gốc vay	147.940.000.000	-
Công ty PAN CG	Công ty con	Gốc vay	25.000.000.000	-
			172.940.000.000	-

Chi tiết khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên liên quan	*Số cuối năm (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty PAN Food	147.940.000.000	Ngày 22 tháng 4 năm 2022	4,0	Tín chấp
Công ty PAN CG	25.000.000.000	Ngày 30 tháng 4 năm 2022	5,0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**172.940.000.000**			

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thù lao và các chi phí khác của các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lương, thù lao và các chi phí khác	9.255.542.308	4.490.000.000
TỔNG CỘNG	**9.255.542.308**	**4.490.000.000**

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dưới 1 năm	2.259.828.000	2.261.066.941
TỔNG CỘNG	**2.259.828.000**	**2.261.066.941**

24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 7 tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 3.331.573 cổ phiếu của Công ty cổ phần Bibica ("Công ty Bibica"), tương đương 17,77% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty Bibica. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty tại Công ty Bibica tăng từ 0% lên 17,77% kể từ ngày này.

Ngày 26 tháng 1 năm 2022, Hội đồng quản trị của Công ty thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03-01/2022/NQ-HĐQT thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.

Ngày 11 tháng 2 năm 2022, Công ty PAN Farm, một công ty con của Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 280.800 cổ phần của Công ty VFG, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết và sở hữu của công ty tại công ty này lên lần lượt là 51,25% và 42%.

24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Trần Thị Trang	Văn Thị Ngọc Ánh	Nguyễn Thị Trà My
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022